THĂNG HOA CUỘC ĐỜI

Kỳ 150 Hạnh Phúc 8 Nghệ Tinh Thân Vinh

Như Ninh Nguyễn Hồng Dũng

Thăng Hoa Cuộc Đời Kỳ 150 Hạnh Phúc 8 Nhất Nghệ Tinh nhất thân vinh: Trong con đường Bát Chánh Đạo mà Đức Phật chỉ dạy, Chánh mạng là một yếu tố rất thiết thực, gắn liền trực tiếp với đời sống hằng ngày của mỗi người. Khi nói đến hạnh phúc, nhiều người thường nghĩ đến những điều lớn lao như giàu sang, danh vọng hay những cảm xúc vui sướng nhất thời. Nhưng Đức Thế Tôn lại chỉ ra một sự thật rất gần gũi: muốn có hạnh phúc bền vững, con người phải có nghề nghiệp chân chánh để nuôi sống mình. Vì vậy, pháp hạnh phúc thứ tám được Đức Phật giảng dạy chính là: *Có nghề nghiệp chánh đáng.*

Nghề nghiệp, theo lời Phật dạy, không chỉ đơn thuần là một phương tiện mưu sinh, mà còn là nền tảng giúp con người sống ổn định, tự tin và có giá trị trong xã hội. Khi có nghề, ta không phải lo lắng quá nhiều về miếng cơm manh áo; tâm được an, đời sống được vững, từ đó mới có điều kiện để tu học, làm lành, tránh dữ. Một người không có nghề, hoặc sống bằng những nghề tà vạy, dù có nhiều tiền cũng khó có được hạnh phúc thật sự, bởi tâm luôn bất an, sợ hãi và lệ thuộc.

Kinh cũng dạy là nghề nghiệp là công việc làm, và có hai loại: nghề của người tại gia và nghề của hàng xuất gia. Người tại gia có nghề để nuôi thân, nuôi gia đình, góp phần xây dựng xã hội. Người xuất gia cũng có "nghề" của mình, đó là hành trì giới, định, tuệ, hoằng pháp lợi sinh, nuôi sống đời sống phạm hạnh bằng con đường thanh tịnh. Như vậy, dù ở địa vị nào, con người cũng cần có một công việc chân chánh phù hợp với đời sống của mình.

Pháp Hạnh phúc thứ bảy trước đây thì Phật từng dạy chúng ta cần biết rộng, hiểu nhiều. Đó là giai đoạn tích lũy kiến thức, học hỏi giáo lý, hiểu đạo lý làm người và làm Phật tử chính đáng. Nhưng hiểu biết mà không đem ra thực hành thì cũng giống như người có hạt giống quý mà không gieo trồng. Vì thế, pháp Hạnh phúc thứ tám này chính là bước tiếp theo rất tự nhiên: đem kiến thức ra ứng dụng vào đời sống cụ thể, biến hiểu biết thành hành động, biến lý thuyết thành lợi ích thiết thực.

Nghề nghiệp, xét cho cùng, chính là kiến thức được đem ra thực hành. Không có kiến thức thì không thể làm nghề. Muốn làm thợ giỏi phải học nghề, muốn làm bác sĩ phải học y, muốn làm người tu hành chân chánh cũng phải học pháp và hành pháp. Kiến thức là gốc, nghề nghiệp là quả. Khi gốc vững thì quả mới bền. Người không chịu học hỏi, không chịu rèn luyện kỹ năng, thì dù có ý muốn làm việc cũng không biết bắt đầu từ đâu.

Hơn nữa, nghề nghiệp chân chánh còn giúp ta nuôi sống bằng mồ hôi công sức của chính mình, không làm tổn hại đến người khác. Đó chính là tinh thần của Chánh mạng: sống lương thiện, không gian dối, không bóc lột, không gây đau khổ cho xã hội. Khi ta sống đúng với Chánh mạng, tâm ta nhẹ nhàng, tự trọng được nuôi lớn, và hạnh phúc nảy sinh một cách tự nhiên, không cần tìm kiếm đâu xa.

Vì vậy, Đức Phật dạy hạnh phúc là phải có nghề, không phải để chạy theo vật chất, mà để đời sống được ổn định, tâm được an trú, và con đường tu tập được vững vàng. Có nghề chân chánh là có nền móng cho hạnh phúc hiện tại và tương lai, là bước đi thiết thực trên con đường giác ngộ giữa đời thường.

Trong đời sống con người, nghề nghiệp chính là chỗ nương vững chắc nhất để đi khắp nơi mà không lo sợ thiếu thốn. Người có nghề trong tay thì dù ở hoàn cảnh nào cũng có thể tự nuôi sống bản thân, giữ được phẩm giá và tâm hồn an ổn. Bởi vậy, ông bà ta mới đúc kết bằng câu cách ngôn rất thực tế: *"Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh."* Chỉ cần tinh thông một nghề, thì cả thân mình được vinh hiển, không phải cúi đầu van xin ai, cũng không bị hoàn cảnh xô đẩy đến chỗ lầm lỗi.

Trong xã hội có vô số nghề nghiệp khác nhau, cao thấp không nằm ở tên gọi, mà nằm ở cách hành nghề và mục đích của nghề ấy. Đối với người Phật tử còn tại gia, Đức Phật không cấm làm nghề để sinh sống, trái lại Ngài khuyến khích mỗi người phải có nghề nghiệp chân chánh. Điều quan trọng là nghề ấy không gây tội lỗi, không làm hại mình, hại

người, không nuôi sống bằng sự gian trá, lừa gạt hay bạo lực. Nghề như vậy được gọi là Chánh nghiệp, và khi Chánh nghiệp được nuôi dưỡng đúng đắn thì tự nhiên Chánh mạng được thành tựu, đời sống nhờ đó mà an vui, nhẹ gánh lo toan.

Đức Thế Tôn còn dạy rằng, khi con người còn trẻ, có sức khỏe và trí tuệ đang mở mang, thì nên học cho giỏi một nghề. Nghề ấy, nếu được trau dồi đến nơi đến chốn, sẽ trở thành người bạn trung thành theo ta suốt cuộc đời. Không cần phải là nghề cao sang, chỉ cần là nghề lương thiện và tinh thông, thì nghề ấy sẽ đem lại sự an ổn, tự tin và hạnh phúc lâu dài. Trong kinh điển, Đức Phật đã dùng những câu chuyện rất gần gũi để minh họa cho chân lý này, trong đó có câu chuyện về nghề búng sạn của một người què, nghe qua tưởng chừng như tầm thường, nhưng lại mang ý nghĩa rất sâu sắc.

Ngày xưa, tại kinh đô Ba La Nại có một người khuyết tật què, thân thể không lành lặn, đi đứng khó khăn, tưởng chừng là người kém may mắn trong xã hội. Thế nhưng, người ấy lại có một tài nghệ rất đặc biệt: búng sạn vô cùng điêu luyện. Chỉ cần một viên sạn nhỏ, anh ta có thể búng trúng mục tiêu một cách chính xác và khéo léo, hiếm ai bì kịp.

Dân trong thành thường thương tình, đẩy xe đưa anh ra ngoài cửa thành, để anh ngồi dưới một gốc cây lớn. Họ mang sạn đến, rồi xin anh búng sạn làm thủng những chiếc lá, tạo thành hình con thú này, con thú kia cho vui mắt. Trẻ con đứng xem thích thú, người lớn thì tấm tắc khen tài. Sau mỗi lần xem, họ cho anh ít tiền để sinh sống qua ngày. Nhờ một nghề tuy nhỏ nhưng tinh xảo, người khuyết tật ấy không phải đi xin ăn, cũng không oán than số phận, mà sống bằng chính tài năng của mình.

Một hôm, nhà vua ngự chơi trong vườn thượng uyển, đi ngang qua chỗ ấy. Trẻ con thấy vua thì kinh sợ bỏ chạy tán loạn, chỉ còn người khuyết tật què ngồi yên một chỗ. Nhà vua trông thấy dưới đất rải rác những chiếc lá bị búng thủng, hiện ra hình thú rất ngộ nghĩnh, lòng lấy làm lạ, bèn hỏi các quan cận thần. Khi được tâu rõ sự việc, nhà vua sinh tâm chú ý đến người què này.

Nhà vua gọi anh đến và hỏi rằng: "-Trẫm có một vị quân sư, mắc tật ham nói. Mỗi khi trẫm muốn phát biểu điều gì thì ông ta cướp lời trước, khiến trẫm không nói được. Ngươi có phương kế nào làm cho ông ấy không nói nữa chăng?"

Người khuyết tật bình tĩnh đáp: "-Tâu Hoàng thượng, nếu có vài cân phân dê khô, hạ thần có thể làm được."

Nhà vua nghe xong, liền truyền đưa anh về cung. Ngài cho anh ngồi sau một tấm màn có khoét lỗ nhỏ, đặt bên cạnh anh một cân phân dê khô. Khi triều thần được triệu tập để bàn việc nước, vị quân sư kia như thường lệ vừa mở miệng định cướp lời vua, thì lập tức bị anh què búng một viên phân dê vào miệng. Vì quá ham nói, ông ta nuốt luôn để tiếp tục nói. Mỗi lần há miệng là lại thêm một viên phân lọt vào, mà ông vẫn không dừng lại.

Khi thấy phân dê đã hết, nhà vua mới nghiêm giọng bảo quân sư: "Vì tật ham nói, khanh đã nuốt hết một cân phân dê khô mà không hay biết. Dạ dày của Khanh không thể tiêu hóa nổi số ấy, hãy về uống thuốc xổ ra đi."

Vị quân sư xấu hổ vô cùng, lặng lẽ lui về. Từ đó, ông ta không còn tật nói nhiều như trước nữa.

Nhờ tài nghệ của người khuyết tật què mà tai vua được yên, việc triều chính trở nên nghiêm túc. Nhà vua vô cùng hài lòng, bèn ban thưởng cho anh quyền thu thuế bốn thôn, ước chừng đến mười muôn dân. Một vị đại thần thấy vậy mới tâu rằng: "Tâu Đại vương, trong đời này, dù là người nào, nghề nào, cũng cần phải học. Nghề búng sạn của anh khuyết tật què kia, tưởng như nhỏ nhoi, mà cũng đem lại lợi ích lớn và được Hoàng thượng ban thưởng." Rồi vị quan ấy đọc lên bài kệ như sau: "Đã gọi là nghề, thì dù là nghề gì đi nữa, nếu tinh thông, cũng đưa đến quả báo tốt đẹp."

Câu chuyện ấy cho thấy rất rõ tinh thần lời Phật dạy rằng, nghề nghiệp chân chánh, dù nhỏ, nếu làm cho giỏi, cũng là nhân duyên đưa đến an vui và hạnh phúc. Không phải ai sinh ra cũng có điều kiện thuận lợi, nhưng ai cũng có thể tạo dựng hạnh phúc cho mình bằng cách học một nghề lương thiện và tinh tấn hành trì. Đây chính là ý nghĩa sâu xa của pháp Hạnh phúc thứ tám mà Đức Phật đã khéo léo chỉ bày cho tất cả chúng ta.

Người có nghề trong tay, quả thật đã nắm được một phần lợi lạc lớn trong đời sống. Nghề giúp ta nuôi thân, giúp tâm bớt loạn động vì nỗi lo cơm áo, và tạo cho ta sự tự tin khi bước vào cuộc đời. Tuy nhiên, biết nghề thôi vẫn chưa đủ. Điều quan trọng hơn, như lời Phật dạy ngầm chỉ, là biết cách áp dụng nghề cho đúng đối tượng và đúng lúc. Nếu áp dụng không thích nghi, không có chánh niệm và đạo đức dẫn đường, thì chính nghề nghiệp ấy có thể trở thành nguyên nhân đưa đến khổ đau, thậm chí là tai họa lớn. Sự tích về người học trò của anh khuyết tật què búng sạn là một minh chứng rất rõ ràng cho điều như sau đây.

Người học trò ấy vốn là người lanh lợi, thấy anh khuyết tật què búng sạn tài tình, liền theo học nghề. Nhờ chịu khó học hỏi, luyện tập ngày đêm, chẳng bao lâu anh ta đã nắm vững kỹ thuật, búng sạn rất chính xác. Xét về mặt nghề nghiệp, anh ta là người đã có nghề, lại còn là nghề hiếm người làm được. Nhưng vấn đề bắt đầu từ chỗ tâm không chánh, chỉ muốn thử tài, khoe tài, mà không nghĩ đến hậu quả của hành động mình sắp làm.

Anh ta thầm nghĩ rằng nếu đem tài búng sạn mà thử lên bò, heo, dê hay những con vật của người khác, thì chắc chắn sẽ bị chủ bắt đền, bị quan phạt. Nếu thử lên người thường, thì cha mẹ, vợ con họ sẽ kiện cáo, mình khó tránh khỏi tội. Từ suy nghĩ sai lệch ấy, anh ta nảy sinh một ý niệm vô cùng nguy hiểm: tìm một đối tượng mà mình cho là "không ai bênh vực" để thử tài.

Một hôm, anh ta gặp Đức Phật Độc Giác, là bậc Thánh sống đời cô độc, không quyến thuộc, không đồ chúng. Anh ta nghĩ thầm: "Người này sống một mình, nếu ta thử tài thì cũng chẳng ai làm gì được ta." Chỉ một ý niệm ác ấy khởi lên, nghiệp dữ đã bắt đầu gieo mầm. Không chút do dự, anh liền búng một viên sạn thật mạnh vào lỗ tai của Đức Phật Độc Giác. Viên sạn xuyên thẳng từ tai bên này sang tai bên kia. Nếu là người thường, chắc chắn đã chết ngay tại chỗ. Nhưng với sức định sâu dày, Ngài dùng thiền định chế ngự được thương tích, cố gắng trở về tư thất, rồi mới an nhiên nhập diệt.

Người học trò kia không những không ăn năn sám hối, mà còn mang tâm kiêu ngạo và mê muội. Anh ta tìm đến tư thất của Ngài, thấy tín đồ đang lo việc hỏa táng, than khóc não nề. Thay vì sợ hãi hay hối hận, anh lại lớn tiếng khoe khoang: "Mấy người có biết không? Ngài ấy chết là do tài búng sạn của ta đó!" Anh ta tưởng rằng nói như vậy sẽ được người khác kính nể, khen là có tài nghệ siêu phàm. Nào ngờ, lời khoe khoang ấy chẳng khác gì đổ thêm dầu vào lửa.

Các tín đồ nghe xong, vừa đau xót vừa phẫn nộ, liền xúm lại lôi anh ta ra đánh chết. Hậu quả của một hành động áp dụng nghề sai chỗ, sai lúc, sai tâm đã hiện ra ngay trong đời hiện tại. Nhưng đó chưa phải là tất cả. Vì tội ác giết bậc Thánh nhân, sau khi chết, anh ta còn phải đọa vào địa ngục A Tỳ, chịu khổ báo lâu dài, không biết ngày nào mới thoát.

Câu chuyện này cho chúng ta thấy rất rõ: nghề nghiệp tự nó không xấu, nhưng người dùng nghề với tâm gì thì sẽ gặt lấy quả báo tương ứng. Nghề nếu được đặt trên nền tảng Chánh nghiệp, tức là không hại người, không trái đạo lý, thì sẽ đem lại an vui. Ngược lại, nghề dù khéo đến đâu, nếu dùng để thỏa mãn bản ngã, khoe khoang, hay làm tổn hại kẻ khác, thì chính nghề ấy trở thành nhân của khổ đau.

Vì vậy, người Phật tử tại gia muốn có hạnh phúc, không chỉ chọn một nghề lương thiện, mà còn phải học cách hành nghề bằng chánh tâm và trí tuệ. Và làm sao để có nghề? Đức Phật không dạy điều gì cao siêu ở đây. Ngài chỉ ra con đường rất giản dị: muốn có nghề thì phải cố học. Học cho nghiêm túc, học cho đến nơi đến chốn, và quan trọng hơn hết là học cách dùng nghề ấy để nuôi thân, nuôi tâm, và nuôi lớn thiện lành trong đời sống. Chỉ khi đó, nghề nghiệp mới thật sự trở thành một pháp hạnh phúc đúng nghĩa.

Khi nói đến nghề tu hành, nhiều người lầm tưởng rằng đó là con đường rời bỏ lao động, không còn gắn với khái niệm "nghề nghiệp" như người đời thường hiểu. Nhưng trong Phật pháp, xuất gia chính là một nghề cao quý, cao quý không phải vì địa vị, mà vì mục đích, nội dung và trách nhiệm của nó. Đức Thích Ca Mâu Ni đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, bậc xuất gia cũng phải có nghề, nhưng là nghề trong phạm vi Thánh đạo, nghề nuôi lớn giới–định–tuệ và làm lợi ích cho số đông.

Trong một bài kinh, Đức Thế Tôn dạy rằng: *"Này các thầy Tỳ khưu, thầy Tỳ khưu trong Phật đạo phải siêng năng giúp nhau hành Tăng sự, dù việc lớn hay nhỏ. Trước mỗi việc, phải dùng trí tuệ quán xét r*ằng, *việc ấy có nên làm hay không."* Lời dạy này cho thấy rất rõ là tu hành không phải là sống buông xuôi, mà là một đời sống có tổ chức, có kỷ cương, có trách nhiệm, và đòi hỏi trí tuệ ứng dụng liên tục.

Vậy nghề của bậc xuất gia là gì? Trước hết, đó là Tăng sự; những Phật sự gắn liền với sinh hoạt của Tăng đoàn như lễ xuất gia, lễ nhập hạ, lễ dâng y, lễ ra hạ, lễ phát lồ, các pháp yết ma thanh tịnh. Một vị Tỳ khưu không thông hiểu Tăng sự thì khó giữ cho Tăng đoàn được hòa hợp và bền vững. Do đó, học và hành tăng sự chính là nền móng nghề nghiệp của người xuất gia.

Nhưng nghề tu hành không dừng ở hình thức nghi lễ. Đức Phật còn dạy người xuất gia phải học và thành tựu tám lĩnh vực nghề nghiệp nội tâm, vừa sâu sắc vừa toàn diện. Trước hết là nghề giữ gìn lục căn thanh tịnh, biết phòng hộ mắt tai mũi lưỡi thân ý, không để phiền não xâm nhập. Kế đến là nghề biết rõ điều lợi ích chân thật cho mình, cho người và cho cả hai. Rồi đến nghề thông hiểu ngôn ngữ, để học kinh điển, truyền bá Chánh pháp không sai lệch.

Đặc biệt, nghề an trú và hoan hỷ trong Chánh pháp được xem là cốt lõi của nghề tu. Nghề này được nâng đỡ bởi mười pháp nương nhờ như trì giới thanh tịnh, học rộng hiểu sâu, có bạn lành, dễ dạy, siêng năng, ưa thích pháp, tinh tấn, tri túc, chánh niệm và trí tuệ an tịnh. Từ đó, người xuất gia còn học Sukkhapekkhāsippam, tức là nhận diện và thể nhập bảy tầng an lạc, từ an vui cõi người cho đến an vui cứu cánh của Niết-bàn.

Ngoài ra, bậc xuất gia còn phải giỏi am hiểu rõ chi tiết công việc của mình; hiểu đời sống và phận sự của người tại gia để hướng dẫn đúng pháp; nuôi lớn tâm hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi; và cuối cùng là thông đạt Tam Tạng Thánh điển, giữ gìn mạng mạch Phật pháp lâu dài.

Như vậy, nghề tu hành là một nghề trọn đời, lấy trí tuệ làm công cụ, lấy từ bi làm động lực, lấy giải thoát làm mục tiêu. Đó là nghề không tạo ra của cải vật chất, nhưng tạo ra ánh sáng cho đời, là con đường lao động nội tâm cao quý nhất mà Đức Phật đã mở ra cho nhân loại.

Khi một con người có nghề nghiệp chân chánh, hạnh phúc không đến một cách ồn ào, nhưng thấm sâu và bền bỉ trong từng bước sống. Trước hết, nghề giúp con người trở nên người lành, vì sống bằng công sức của mình thì tự nhiên biết trọng nhân quả, biết sợ điều sai quấy, và biết giữ gìn danh dự. Từ đó, con người dần vượt lên chính mình, không còn sống buông trôi hay ỷ lại, mà biết vươn lên, rèn luyện để mỗi ngày một tốt hơn hôm qua.

Người có nghề, nếu chuyên tâm học hỏi và tinh tấn hành trì, sẽ trở nên giỏi giang và vững vàng, không phải để hơn thua với người khác, mà để tự đứng vững giữa đời. Chính sự vững vàng ấy làm nên giá trị cao quý, không phải bằng lời nói hay hình thức bên ngoài, mà bằng năng lực thực sự và nhân cách bên trong. Khi nghề được nuôi dưỡng bằng đạo đức, con người tự nhiên trở nên cao thượng, biết dùng khả năng của mình để giúp người, góp phần làm nhẹ bớt khổ đau chung quanh.

Từ sự tự lập trong sinh kế, người có nghề dễ dàng tự nuôi sống mình, không phải khổ tâm vì thiếu thốn, cũng không vì nghèo khó mà đánh mất lòng tự trọng. Nhờ đó, trí tuệ được mở mang, sự khôn ngoan được tích lũy qua kinh nghiệm sống và lao động chân thật. Của cải vật chất, nếu có, cũng đến từ mồ hôi công sức, nên không làm tâm tham lớn mạnh, mà trở thành phương tiện tạo an ổn và sẻ chia.

Quan trọng hơn hết, người có nghề đúng đắn thường có đời sống an vui hơn, vì tâm ít lo sợ, ít bất an, biết rõ mình đang đi đâu và sống để làm gì. Giá trị của con người không còn đo bằng lời khen chê, mà bằng lợi ích thật sự mà mình đem lại cho đời. Khi nhiều người cùng sống như vậy, xã hội tự nhiên được nâng cao, tiến hóa trong trật tự, đạo đức và tình người. Đó chính là hạnh phúc sâu xa mà Đức Phật muốn chỉ dạy khi Ngài nói rằng "Có nghề nghiệp chân chánh chính là nền tảng để xây dựng hạnh phúc và an vui bền vững".

Như Ninh Nguyễn Hồng Dũng